

Bản án số: 133/2025/DS-PT

Ngày 04-3-2025.

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Ông Dương Anh Văn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 25-02-2025 và 04-3-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 865/2024/TLPT-DS ngày 05/11/2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 26-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2025/QĐPT-DS ngày 12-02-2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Thanh N, sinh năm 1972; địa chỉ: H cc S, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hồng P, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Thái H, Luật sư thuộc Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Tạ Thị Thu D, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh Đ, Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng L3, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- + Anh Ngô Ngọc T, sinh năm 1983. (vắng)
- + Chị Ngô Ngọc H1, sinh năm 1985. (vắng)
- + Chị Ngô Ngọc N1, sinh năm 1988. (vắng)

Cùng địa chỉ: E đường Q, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị H1 và chị N1: Ông Võ Hồ Anh T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, chị H1 và chị N1: Ông Phạm Thanh Đ, Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng L3, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ Bà Lan Ngọc N2 (Ngô Ngọc L), sinh năm 1950; địa chỉ: A F, đường S, tỉnh Dakota, Tiểu bang M 5539 USA (Hoa Kỳ). (vắng)

+ Ông Ngô Tấn T2, sinh năm 1962 (chết năm 2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2: Bà Nguyễn Thị Hiền D1, sinh năm 1969 và anh Ngô Tấn L1, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: D đường E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng)

+ Bà Ngô Thanh T3, sinh năm 1964 và bà Ngô Thanh T4, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: B đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T3 và bà T4: Ông Phạm Thanh Đ, Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng L3, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1957 và bà Trần Thị K, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: I Quốc lộ B, tổ C, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng)

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Thanh N, là nguyên đơn; bà Trần Thị Kim A, là bị đơn; anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, chị Ngô Ngọc N1, bà Ngô Thanh T3, bà Ngô Thanh T4, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Hồng P trình bày:

Cha mẹ ông Ngô Thanh N là cụ Ngô Văn D2 (chết năm 2006) và cụ Lê Thị S (chết năm 2018). Cụ D2, cụ S có 07 người con chung gồm: bà Ngô Ngọc L, ông Ngô Ngọc T6 (chết năm 1988, có vợ là Trần Thị Kim A và 03 người con, gồm: Ngô Ngọc T, Ngô Ngọc H1 và Ngô Ngọc N1), ông Ngô Tấn T2 (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị Diệu H2 và 01 người con là Ngô Tấn L1), bà Ngô Thanh T3, ông Ngô Thanh V (đã chết, không có vợ con), bà Ngô Thanh T4, ông Ngô Thanh N; không có con riêng hay con nuôi.

Cụ D2, cụ S tạo lập được phần đất có diện tích 181,8 m², thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 111, tại khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà cấp 04 (diện tích nhà 160,2m²), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 80/TB/SNSH ngày 30-12-1986.

Ngày 09-5-2000, cụ D2 và cụ S lập di chúc tặng cho nhà, đất trên cho ông Ngô Thanh N, theo Văn bản công chứng số 34694 ngày 09-5-2000 của Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi cụ D2, cụ S chết, ông N thực hiện kê khai đăng ký di sản thừa kế theo di chúc nhưng bà Trần Thị Kim A và các con bà A ngăn cản. Nay ông N khởi kiện yêu cầu: công nhận hiệu lực của di chúc do cụ Ngô Văn D2 và cụ Lê Thị S lập theo Văn bản công chứng số 34694 ngày 09-5-2000 của Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền sử dụng phần đất có diện tích 181,8 m², thửa đất số 32, tờ bản đồ số 111 và quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích 160,2 m², tại số K, ấp L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là số E đường Q, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh); buộc bà Trần Thị Kim A, ông Ngô Ngọc T, bà Ngô Ngọc H1, bà Ngô Ngọc N1 có nghĩa vụ giao cho ông Ngô Thanh N căn nhà và phần đất nêu trên.

Ông N không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, chị Ngô Ngọc N1, bà Ngô Thanh T3 và bà Ngô Thanh T4, về yêu cầu chia thừa kế diện tích 5.130m², thuộc các thửa 121, 122, 123, 130, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2000) và diện tích 2.627,7m², thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 43 (BĐ 2000), (thửa cũ: 660, 661, 662, 663, 707, 1013, tờ bản đồ số 01 (BĐ299) tại khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Tạ Thị Thu D là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Trần Thị Kim A, trình bày:

Căn nhà và đất nêu trên, cụ S, bà A cùng các con bà A quản lý sử dụng từ trước đó, nhưng không biết cụ thể thời gian nào. Quá trình sử dụng có tu bổ, sửa chữa căn nhà nhiều lần, nhà cũ trước đây của cụ D2, cụ S về cơ bản là không còn. Bản “Di chúc” lập tại Văn bản công chứng số 34694 ngày 09-5-2000 này chỉ định đoạt căn nhà, không nói gì đến phần đất. Trường hợp không công nhận “Di chúc” nêu trên, bà A yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật là căn nhà đất có diện tích 181,8 m² và phần đất ruộng có diện tích 7.757,7 m² nêu trên.

Theo đơn yêu cầu độc lập, anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1 và chị Ngô Ngọc N1 (do ông Võ Hồ Anh T1 là người đại diện hợp pháp) trình bày:

Anh Thạch, chị H1, chị N1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ D2, cụ S chết để lại là căn nhà đất tranh chấp nêu trên và phần đất có diện tích 5.130m², thuộc các thửa 121, 122, 123, 130, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2000) và diện tích 2.627,7m², thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 43 (BĐ 2000), (thửa cũ: 660, 661, 662, 663, 707, 1013, tờ bản đồ số 01 (BĐ299), tọa lạc tại khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00152/23/QĐ-UB(H) ngày 11-5-1999 do cụ Lê Thị S đứng tên và đã được cập nhật biến động chuyển quyền sử dụng đất cho ông Ngô Thanh N ngày 04-7-2019 (ông N đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh T5, bà Trần Thị K

đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C809331 ngày 03-3-2022 và số C809332 ngày 03-3-2022).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thanh T3 và bà Ngô Thanh T4 đều trình bày:

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N. Bà T3, bà T4 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là căn nhà đất có diện tích 181,8m² và phần đất ruộng có diện tích 7.757,7m² nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lan Ngọc N2 (Ngô Ngọc L) có văn bản trình bày:

Tòa án không phải tổng đạt cho bà tất cả các văn bản tố tụng (kể cả bản án) bà không kháng cáo. Trường hợp chia thừa kế theo pháp luật thì phần bà L được nhận, bà đề nghị giao cho ông Ngô Thanh N được quyền thụ hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu H2 và anh Ngô Tấn L1 đều trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T5 và bà Trần Thị K trình bày:

Ngày 23-3-2020, ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Ngô Thanh N phần đất có diện tích 5.130m², thuộc các thửa 121, 122, 123, 130, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2000) và diện tích 2.627,7m², thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 43 (BĐ 2000), (thửa cũ: 660, 661, 662, 663, 707, 1013; tờ bản đồ số 01 (BĐ299), tọa lạc tại khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C809331 ngày 03-3-2022 và số C809332 ngày 03-3-2022. Do đó, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1 và chị Ngô Ngọc N1 về yêu cầu chia thừa kế là phần đất nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 26-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh N.

2. Công nhận hiệu lực của “Di chúc” do cụ Ngô Văn D2 và cụ Lê Thị S lập theo Văn bản công chứng số 34694 ngày 09-5-2000 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Ngô Thanh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 181,8 m², thửa 32, bản đồ số 111 và quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích 160,2 m², tại số K, ấp L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là Số E, đường Q, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh). Buộc bà Trần Thị Kim A, anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, chị Ngô Ngọc N1 có nghĩa vụ giao lại cho ông Ngô Thanh N nhà đất này.

3. Ghi nhận ông Ngô Thanh N tự nguyện thanh toán lại (trả) công sức gìn giữ di sản cho bà A, anh T, chị H1, chị N1 được hưởng chung số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, chị Ngô Ngọc N1 và bà Ngô Thanh T3, bà Ngô Thanh T4 về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ D2, cụ S gồm: căn nhà đất có diện tích 181,8 m², thửa đất số 32, tờ bản đồ số 111 và quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích 160,2 m², tại số K, ấp L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là Số E, đường Q, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh) và diện tích 5.130m², thuộc các thửa 121, 122, 123, 130, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2000) và diện tích 2.627,7m², thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 43 (BĐ 2000), (thửa cũ: 660, 661, 662, 663, 707, 1013, tờ bản đồ số 01 (BĐ299); tọa lạc tại khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

5. Ghi nhận ông Ngô Thanh N không yêu cầu giải quyết các tài sản khác có trên nhà đất tranh chấp.

6. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

7. Về chi phí tố tụng khác: ông Ngô Thanh N phải chịu 20.000.000 đồng; bà A, anh T, chị H1 và chị N1 phải chịu 4.600.000 đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Thanh N phải chịu 115.815.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào 56.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0026345 ngày 10-12-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông N còn phải nộp 59.315.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thi hành án; về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 08-8-2024, chị Ngô Ngọc N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của chị N1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ngày 09-8-2024, ông Ngô Thanh N là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần án phí sơ thẩm của nguyên đơn.

Ngày 09-8-2024, bà Trần Thị Kim A là bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09-8-2024, anh Ngô Ngọc T và chị Ngô Ngọc H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của anh T, chị H1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ngày 09-8-2024, bà Ngô Thanh T4 và bà Ngô Thanh T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng ông Ngô Thanh N đề nghị xem xét lại phần quyết định của Bản án sơ

thẩm về chi phí tố tụng khác vì ông nộp tạm ứng 45.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quyết định 24.600.000 đồng, bỏ sót 20.400.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ và không thể bổ sung được ở cấp phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các ông Ngô Thanh N, bà Trần Thị Kim A, anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, bà Ngô Thanh T4, bà Ngô Thanh T3 và chị Ngô Ngọc N1 làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bà Ngô Ngọc L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L.

Ông Nguyễn Thanh T5 và bà Trần Thị K đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, thấy rằng: Cụ Ngô Văn D2 và cụ Lê Thị S là chủ sở hữu căn nhà cấp 04 (diện tích 160,2 m²) gắn liền diện tích đất 181,8 m², thửa số 32, tờ bản đồ số 111, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 80/TB/SNSH ngày 30-12-1986 của Sở Xây dựng tỉnh T. Ngày 09-5-2000, cụ D2 và cụ S lập di chúc để lại nhà, đất trên cho ông Ngô Thanh N (con của cụ D2, cụ S), theo Văn bản công chứng số 34694 ngày 09-5-2000 của Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng, di chúc nêu trên chỉ có hiệu lực đối với căn nhà vì cụ D2, cụ S chưa được công nhận quyền sử dụng đất.

[3] Theo quy định tại Điều 20 của Hiến pháp năm 1980, thì Nhà nước “*thống nhất quản lý đất đai...; những tập thể và cá nhân đang sử dụng đất đai được tiếp tục sử dụng và hưởng kết quả lao động của mình theo quy định của pháp luật*”. Theo quy định này thì năm 1986, cụ D2, cụ S không được công nhận quyền sử dụng đất là đúng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 17 của Luật Đất đai năm 1987, thì “*người được thừa kế nhà ở hoặc người chưa có chỗ ở, khi*

được người khác chuyển nhượng nhà để ở, sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu đối với nhà ở, thì được quyền sử dụng đất ở có ngôi nhà đó”. Như vậy, di chúc ngày 09-5-2000 có hiệu lực đối với cả nhà ở và đất ở nên ông N yêu cầu Tòa án công nhận hiệu lực của di chúc đối với nhà, đất nêu trên là có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông N thanh toán công sức giữ gìn, bảo quản di sản cho bà A, anh T, chị H1 và chị N1 số tiền 1.000.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có một số sai sót trong việc áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ và thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ dẫn đến giải quyết yêu cầu độc lập của các đương sự trong vụ án không đúng, cụ thể:

[4.1] Về sai sót trong áp dụng pháp luật và đánh giá chứng cứ:

Nguyên đơn yêu cầu công nhận di chúc, công nhận quyền sở hữu tài sản là loại tranh chấp không có giá ngạch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm theo loại án phí có giá ngạch là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Theo các Biên bản giao nhận ngày 22-8-2022 và 12-9-2022, thì Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tổng cộng là 45.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quyết định các bên phải chịu số tiền tổng cộng là 24.600.000 đồng, bỏ sót 20.400.000 đồng chưa được xử lý.

[4.2] Về thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ:

Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 04-12-1998 của cụ Lê Thị S (bút lục số 158) thể hiện nguồn gốc sử dụng đất 02 lúa diện tích 7.245m² là “*thừa kế của D2*” (tức cụ Ngô Văn D2), nhưng thời điểm này cụ D2 còn sống nên không thể có việc cụ S thừa kế của cụ D2 diện tích đất trên. Còn theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất ngày 03-12-1998 cấp cho cụ S đối với diện tích đất trên (bút lục số 156, 157) thể hiện cấp cho hộ gia đình gồm 04 nhân khẩu.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ S cung cấp thông tin về việc diện tích đất trên được cấp cho hộ gia đình (gồm những ai?) hay cá nhân, thì nhận được kết quả trả lời là cấp cho hộ gia đình, đồng thời đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ về nhân khẩu tại cơ quan Công an có thẩm quyền (bút lục số 256), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện. Như vậy, có cơ sở xác định các thửa đất số 121, 122, 123, 130, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2000) và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 43 (BĐ 2000), phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là đất cấp cho hộ gia đình, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa

thu thập chứng cứ đầy đủ để xác định thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ S.

[4.3] Ngoài ra, tại Di chúc lập ngày 16-5-2000 để lại diện tích đất lúa cho ông N, chính quyền địa phương không chứng thực di chúc mà chỉ xác nhận hộ khẩu của cụ S sau thời điểm lập di chúc 07 ngày (ngày 23-5-2000). Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ lý do của việc chứng thực không rõ ràng và thời điểm chứng thực khác thời điểm lập di chúc để làm căn cứ đánh giá hiệu lực của di chúc nêu trên.

[5] Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, không thể bổ sung được ở cấp phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Ngô Thanh N; bị đơn là bà Trần Thị Kim A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, chị Ngô Ngọc N1, bà Ngô Thanh T3 và bà Ngô Thanh T4. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 26-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất số 121, 122, 123, 130, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2000) và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 43 (BĐ 2000), phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; về án phí sơ thẩm (đối với Nguyên đơn) và chi phí tố tụng khác.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 26-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật đối với phần bị hủy.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Thanh N, anh Ngô Ngọc T, chị Ngô Ngọc H1, chị Ngô Ngọc N1 và bà Ngô Thanh T4 không phải chịu án phí phúc thẩm. H3 lại cho ông N, anh T, chị H1, chị N1 và bà T4 mỗi người 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0000495, 0000499, 0000497, 0000498 và 0000500 cùng ngày 09-9-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn